

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2020
“Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghè

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Chị Dương Hồng P, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 15/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2000, anh kết hôn cùng với chị Dương Hồng P, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 20/3/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 quyền số I.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, trong lúc nóng giận anh có đánh chị P làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh chị đã tự ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nay, anh nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Thanh N – sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Thị Bích N1 - sinh ngày 02/9/2011.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị Dương Hồng P. Về con chung, cháu N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu gì, còn cháu N1 thì anh đồng ý giao cho chị P nuôi, anh không cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2020, bị đơn chị Dương Hồng P thống nhất với lời trình bày của anh T về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Còn về mâu thuẫn vợ chồng thì chị P cho rằng là do thời gian vợ chồng đi làm ở Phú Quốc, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, bỏ bê vợ con nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân với nhau từ tháng 7/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị có trao đổi về việc hàn gắn lại hôn nhân nhưng vẫn không có kết quả.

Nguyên vọng: Về hôn nhân, chị P không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ gia đình. Nếu anh T kiên quyết ly hôn thì cháu N1 theo ai người đó nuôi, chị không cấp dưỡng cũng không yêu cầu cấp dưỡng, còn cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu gì; Về tài sản chung, nợ chung không có nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Dương Hồng P được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền đúng quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Chị Dương Hồng P với tư cách là bị đơn trong vụ án, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Hồng P xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 20/3/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 quyền số I theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn T xin ly hôn với chị Dương Hồng P vì lý do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, trong lúc nóng giận anh có đánh chị P làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Còn chị P thì cho rằng do anh T có người phụ nữ khác, không quan tâm, lo lắng cho vợ con nên cuộc sống chung không hạnh phúc nhưng chị còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh T đã thể hiện rõ thái độ cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm với chị P. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau 20 năm chung sống, giữa anh T và chị P đã không duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng thường xảy ra cụ thể là những lần anh T dùng bạo lực đối với chị P, cả anh T và chị P đều xác định hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên suốt quá

trình ly thân chị P đã trao đổi với anh T để vợ chồng hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị P xác định anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh N – sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Thị Bích N1 - sinh ngày 02/9/2011. Cháu N đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu gì. Đối với cháu N1, anh T và chị P thống nhất theo bản ý kiến ngày 06/7/2020 của cháu N1 là giao cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét sự tự nguyện thỏa thuận này của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 cũng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Hồng P xác định anh chị không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ anh T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Dương Hồng P.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bích N1 - sinh ngày 02/9/2011 cho chị Dương Hồng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005087 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Nguyễn Văn T đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Định An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***Đã ký***Nguyễn Thành Nghè**